

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NAM NUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ

**ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG THỰC VẬT RỪNG TẠI KHU BẢO TỒN
THIÊN NHIÊN NAM NUNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TỒN CÁC
LOÀI NGUY CẤP, QUÝ HIẾM**

CHỦ ĐẦU TƯ: KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NAM NUNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN: VIỆN SINH THÁI RỪNG VÀ MÔI TRƯỜNG

Đắk Nông, 2022

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NAM NUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ

**ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG THỰC VẬT RỪNG TẠI KHU BẢO TỒN
THIÊN NHIÊN NAM NUNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TỒN
CÁC LOÀI NGUY CẤP, QUÝ HIẾM**

**CHỦ ĐẦU TƯ
KHU BẢO TỒN
THIÊN NHIÊN NAM NUNG
GIÁM ĐỐC**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
VIỆN SINH THÁI RỪNG VÀ
MÔI TRƯỜNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Mạnh

Phạm Văn Duẩn

Đắk Nông, 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	vi
Phần 1 TÍNH CẤP THIẾT VÀ CĂN CỨ THỰC HIỆN	1
I. TÍNH CẤP THIẾT THỰC HIỆN.....	1
II. CĂN CỨ PHÁP LÝ	2
1. Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.....	2
2. Văn bản của tỉnh Đắk Nông.....	3
III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG.....	4
Phần 2 ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI CÓ LIÊN QUAN	6
I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG.....	6
1. Vị trí địa lý, địa hình.....	6
2. Đặc điểm tài nguyên rừng và khu hệ thực vật.....	9
II. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	12
1. Dân số, dân tộc, lao động.....	12
2. Kinh tế.....	13
Phần 3 MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN.....	15
I. MỤC TIÊU CỦA NHIỆM VỤ.....	15
1. Mục tiêu chung.....	15
2. Mục tiêu cụ thể.....	15
II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG.....	15
1. Phạm vi thực hiện.....	15
2. Đối tượng.....	15
III. NỘI DUNG THỰC HIỆN.....	15
1. Điều tra thành phần, phân bố của các loài thực vật rừng tại Khu BTTN Nam Nung... ..	15
2. Đánh giá thực trạng công tác quản lý và nguyên nhân suy giảm nguồn tài nguyên thực vật rừng Khu BTTN Nam Nung.....	16
3. Đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển bền vững các loài thực vật quý, hiếm, nguy cấp tại Khu BTTN Nam Nung	16
IV. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN.....	16
1. Quan điểm và phương pháp luận.....	16
2. Phương pháp thực hiện cụ thể.....	18
Phần 4	33
KẾT QUẢ THỰC HIỆN.....	33
I. THÀNH PHẦN, PHÂN BỐ CỦA CÁC LOÀI THỰC VẬT RỪNG TẠI KHU BTTN NAM NUNG.....	33

1. Đa dạng nguồn tài nguyên thực vật Khu BTTN Nam Nung	33
2. Các yếu tố địa lý thực vật Khu BTTN Nam Nung	38
3. Dạng sống của thực vật Khu BTTN Nam Nung	40
4. Đa dạng về công dụng của thực vật Khu BTTN Nam Nung	42
5. Các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm tại Khu BTTN Nam Nung và phân bố của chúng	44
II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ NGUYÊN NHÂN SUY GIẢM NGUỒN TÀI NGUYÊN THỰC VẬT RỪNG KHU BTTN NAM NUNG	49
1. Tình hình bảo tồn, khai thác, sử dụng và phát triển các loài thực vật rừng Khu BTTN Nam Nung	49
1.1. Công tác bảo vệ rừng và bảo tồn các loài thực vật rừng.....	49
1.2. Công tác phát triển rừng và các loài thực vật rừng.....	51
2. Thực trạng công tác quản lý nguồn tài nguyên thực vật rừng Khu BTTN Nam Nung.	51
3. Nguyên nhân suy giảm nguồn tài nguyên thực vật Khu BTTN Nam Nung.....	53
III. QUẢN LÝ CÁC LOÀI THỰC VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM CÓ GIÁ TRỊ VÀ TRIỂN VỌNG CHO BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG RỪNG RỪNG TẠI KHU BTTN NAM NUNG	53
1. Kết quả lựa chọn các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm có giá trị và triển vọng cho bảo tồn và phát triển bền vững	53
2. Đặc điểm các loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm có giá trị và triển vọng cho bảo tồn và phát triển tại Khu BTTN Nam Nung	56
3. Hệ thống Website quản lý các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm và các loài có giá trị, triển vọng tại Khu BTTN Nam Nung.....	62
IV. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BẢO TỒN, SỬ DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÁC LOÀI THỰC VẬT RỪNG TẠI KHU BTTN NAM NUNG	76
1. Giải pháp bảo tồn cho các loài nguy cấp, quý, hiếm nhằm khôi phục phát triển rừng bền vững	76
2. Giải pháp sử dụng, phát triển bền vững các loài thực vật nguy cấp, quý hiếm góp phần bảo vệ và phát triển rừng bền vững.	81
Phần 5	90
KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ.....	90
1. Kết luận.....	90
2. Khuyến nghị.....	91

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Diện tích rừng và đất chưa có rừng quy hoạch phát triển rừng của Khu BTTN Nam Nung tính đến 31/12/2021	10
Bảng 2.2. Tổng hợp phân bố dân số theo các xã vùng đệm KBTTN Nam Nung	12
Bảng 3.1. Danh sách tuyến điều tra thực vật rừng tại Khu BTTN Nam Nung	19
Bảng 4.1. Thành phần và tỷ lệ phần trăm các taxon thực vật rừng tại Khu BTTN Nam Nung	33
Bảng 4.2. Phân bố các taxon (lớp, họ, chi, loài) trong ngành Hạt kín	34
Bảng 4.3. Danh sách 10 loài thực vật rừng được phát hiện bổ sung cho Khu BTTN Nam Nung	35
Bảng 4.4. Các chỉ số đa dạng thực vật Khu BTTN Nam Nung	36
Bảng 4.5. Thống kê các họ đa dạng loài thực vật nhất tại Khu BTTN Nam Nung	37
Bảng 4.6. Các chi giàu loài thực vật nhất tại Khu BTTN Nam Nung	38
Bảng 4.7. Các yếu tố địa lý thực vật của hệ thực vật tại Khu BTTN Nam Nung	39
Bảng 4.8. Các nhóm dạng sống và kiểu dạng sống của thực vật Khu BTTN Nam Nung	40
Bảng 4.9. Giá trị sử dụng của thực vật Khu BTTN Nam Nung tỉnh Đắk Nông	42
Bảng 4.10. Danh sách loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm ở Khu BTTN Nam Nung	45
Bảng 4.11. Tổng hợp kết quả phỏng vấn về những tác động làm suy giảm nguồn tài nguyên thực vật tại Khu BTTN Nam Nung	53
Bảng 4.12. Kết quả tính toán lựa chọn các loài thực vật có giá trị và triển vọng	54
Bảng 4.13. Danh mục loài thực vật có giá trị và triển vọng để phát triển ở Khu BTTN Nam Nung tỉnh Đắk Nông	55
Bảng 4.14. Đề xuất phát triển các loài cây thuốc được lựa chọn	87

DANH MỤC HÌNH

Hình 3.1. Sơ đồ vị trí các ô tiêu chuẩn và tuyến điều tra.....	23
Hình 3.2. Các bước xây dựng khung cơ sở dữ liệu.....	28
Hình 3.3. Sơ đồ về các thành phần quan trọng trong NodeJS.	30
Hình 4.1. Số lượng các họ, chi, và loài thực vật rừng tại Khu BTTN Nam Nung	34
Hình 4.2. Tỷ lệ 10 họ giàu loài thực vật nhất Khu BTTN Nam Nung.....	37
Hình 4.3. Phổ dạng sống thực vật Khu BTTN Nam Nung.....	41
Hình 4.4. Tỷ lệ % về số loài của nhóm dạng sống cây chồi trên (Ph)	42
Hình 4.5. Các nhóm công dụng thực vật Khu BTTN Nam Nung.....	43
Hình 4.6. Bản đồ phân bố các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm tại	49
Hình 4.7. Kiền kiền.....	56
Hình 4.8 Gổ đỏ	56
Hình 4.9. Cẩm lai.....	57
Hình 4.10. Giáng hương trái to	57
Hình 4.11. Giỏi braian	58
Hình 4.12. Trầm hương.....	59
Hình 4.13. Lan Kim tuyến	59
Hình 4.14. Kỳ Nam.....	60
Hình 4.15. Tắc kè đá.....	60
Hình 4.16 Cốt toái bổ.....	61
Hình 4.17. Sâm Cau.....	61
Hình 4.18. Hoàng đằng	62
Hình 4.19 Giao diện trang chủ Website.....	62
Hình 4.20. Giao diện bản đồ diễn biến rừng.....	63
Hình 4.21. Giao diện bản đồ phân bố loài thực vật.....	63
Hình 4.22. Giao diện danh mục loài.....	63
Hình 4.23. Sơ đồ Use-case chức năng bản đồ.....	64
Hình 4.24. Giao diện chức năng bản đồ và thông tin chi tiết lô rừng.	64
Hình 4.25. Giao diện bản đồ phân bố các loài nguy cấp, quý, hiếm.....	65
Hình 4.26. Thông tin chi tiết điểm phân bố loài	65
Hình 4.27. Danh sách loài trong mục hệ thực vật Khu BTTN Nam Nung	66
Hình 4.28. Thông tin chi tiết loài thực vật.....	66
Hình 4.29. Danh sách cá thể theo loài đã được mô tả.....	67

Hình 4.30. Chức năng tìm kiếm	67
Hình 4.31. Giao diện đăng nhập vào hệ thống.....	68
Hình 4.32. Sơ đồ Use-case chức năng quản trị hệ thống.....	68
Hình 4.33. Sơ đồ Use-case chức năng quản lý loài thực vật	68
Hình 4.34. Quản lý danh sách loài thực vật.....	69
Hình 4.35. Thông tin chi tiết loài	69
Hình 4.36. Sơ đồ phương thức vận hành của thao tác thêm loài thực vật.....	69
Hình 4.37. Sơ đồ vận hành của theo tác sửa thông tin loài thực vật.....	70
Hình 4.38. Sơ đồ vận hành thao tác xóa loài thực vật.....	70
Hình 4.39. Sơ đồ Use-case chức năng quản lý loài thực vật.	71
Hình 4.40. Quản lý danh sách điểm phân bố các loài	71
Hình 4.41. Thông tin chi tiết và chỉnh sửa của các điểm	71
Hình 4.42. Sơ đồ thao tác thêm điểm phân bố loài thực vật.....	72
Hình 4.43. Sơ đồ thao tác sửa thông tin điểm phân bố loài thực vật	72
Hình 4.44. Sơ đồ thao tác xóa điểm phân bố loài thực vật.....	73
Hình 4.45. Sơ đồ Use-case chức năng quản lý tài khoản	73
Hình 4.46. Quản lý danh sách tài khoản.....	74
Hình 4.47. Sơ đồ thao tác thêm tài khoản.....	74
Hình 4.48. Sơ đồ thao tác sửa thông tin tài khoản	75
Hình 4.49. Sơ đồ thao tác xóa tài khoản.....	75

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
1	BTTN	: Bảo tồn thiên nhiên
2	BV&PTR	: Bảo vệ và phát triển rừng
3	BVR	: Bảo vệ rừng
4	CITES	: Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp
5	CTR	: Chứa trồng rừng
6	ĐDSH	: Đa dạng sinh học
7	ĐTR	: Đã trồng rừng
8	IUCN	: Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên
9	PTNT	: Phát triển nông thôn
10	NN&PTNT	: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	NTM	: Nông thôn mới
12	ODB	: Ô dạng bản
13	OTC	: Ô tiêu chuẩn
14	SĐVN	: Sách đỏ Việt Nam
15	THCS	: Trung học cơ sở
16	THPT	: Trung học phổ thông
17	UBND	: Ủy ban nhân dân
18	USD	: Đô la Mỹ
19	VQG	: Vườn Quốc gia

Phần 1

TÍNH CẤP THIẾT VÀ CĂN CỨ THỰC HIỆN

I. TÍNH CẤP THIẾT THỰC HIỆN

Ban quản lý dự án Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Nam Nung được thành lập theo Quyết định số 2067/QĐ-UB ngày 30/10/1996 và được giao quyền sử dụng đất tại Quyết định số 1190/QĐ-UB ngày 18/06/1997 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Trên cơ sở hồ sơ đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, được UBND tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung với tổng diện tích 12.307,8 ha. Nhằm bảo vệ bền vững hệ sinh thái rừng tự nhiên của Khu BTTN Nam Nung; năm 2016 UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, về việc thu hồi đất của các tổ chức trên địa bàn các huyện Krông Nô, Đắk Song, Đắk G'Long giao cho Khu BTTN Nam Nung quản lý. Đến năm 2020, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 16/4/2020, về việc thu hồi đất của Chi cục Kiểm lâm tỉnh, đồng thời giao đất, giao rừng cho Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đến nay, diện tích của đơn vị tăng lên thành 23.296,47 ha và thuộc 10 xã/3 huyện, bao gồm: Xã Quảng Sơn (huyện Đắk Glong); các xã: Đắk Hòa, Đắk Mol, Nậm N'Jang (huyện Đắk Song) và các xã: Đức Xuyên, Nậm N'Dir, Nậm Nung, Đắk Sôr, Nam Đà, Buôn Choar (huyện Krông Nô).

Địa hình chủ yếu gồm nhiều dãy núi thấp và núi trung bình, điển hình là dãy Nam Nung có đỉnh Nam JerBri cao 1.578 m. Nơi đây có diện tích không lớn so với các Khu bảo tồn khác trong khu vực Tây Nguyên, nhưng hệ sinh thái rừng rất đa dạng và phong phú, được xếp vào cấp bảo tồn quốc gia. Nơi đây có 2 hệ sinh thái chủ yếu là rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh và rừng gỗ hỗn giao tre nửa tự nhiên. Trong đó, hệ sinh thái rừng gỗ tự nhiên lá rộng thường xanh chiếm diện tích lớn, trên 90% diện tích khu bảo tồn.

Hệ thực vật vô cùng đa dạng cũng góp phần phát triển nguồn tài nguyên phong phú nơi đây, với 881 loài thực vật, trong đó có 75 loài quý hiếm có trong Sách đỏ Việt Nam và Sách đỏ thế giới, quý, hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng (*Cẩm lai, Giáng hương trái to, Kim giao, Thông tre, Gỗ đỏ, Trâm hương, Du Sam...vv*).

Ngoài ra phải kể đến sự đa dạng của 173 loài chim, 66 loài cá, 37 loài bò sát và ếch nhái...là nơi phân bố của nhiều loài động vật quý hiếm hiện có trong sách đỏ Việt Nam (*Bò tót, Báo gấm, Vượn đen má vàng, Voọc chà vá, Khỉ đuôi lợn, Khỉ mặt đỏ...*)

Khu BTTN Nam Nung có vai trò đặc biệt quan trọng bảo tồn nguồn gen và tính đa dạng sinh học ở khu vực Nam Tây Nguyên, vai trò trong phòng hộ đầu nguồn, chống xói mòn, điều tiết nguồn nước cho dòng sông Krông Nô và lưu giữ nước cho các hồ, đập thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Với ý nghĩa quan trọng của Khu rừng đặc dụng Nam Nung, năm 1986 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Quyết định số 194/HĐBT công nhận khu rừng Nam Nung là một trong 87 khu rừng cấm quốc gia, cần được bảo vệ. Năm 1996 UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 2067/QĐ-UB ngày 30/10/1996 thành lập Ban quản lý. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và sự quan tâm đặc biệt của UBND tỉnh Đắk Nông cùng với nỗ lực của tập thể công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị, từ khi thành lập đến nay đã chú trọng đầu tư xây dựng, bảo vệ, phát triển rừng và đạt được kết quả nhất định, diện tích rừng và các hệ sinh thái rừng tự nhiên của Khu

bảo tồn đã được bảo vệ và phục hồi, phát triển tốt, hạn chế tối đa các hoạt động tiêu cực tác động trực tiếp, gián tiếp vào khu bảo tồn.

Với vai trò to lớn và những đặc trưng của hệ thực vật Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung cho chúng ta thấy rằng cần phải sớm có những hành động tích cực bảo vệ và phát triển rừng ở những khu vực này. Từ yêu cầu cấp thiết đó, chúng tôi đề xuất thực hiện nhiệm vụ ***“Điều tra, đánh giá đa dạng thực vật rừng tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung phục vụ công tác quản lý, bảo tồn các loài nguy cấp quý hiếm”***.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương

- Luật Đa dạng sinh học năm 2008;
- Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, Bảo vệ và Phát triển rừng;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về Quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;
- Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
- Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 1/10/2018 Phê duyệt đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;
- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;
- Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 – 2025”;